

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (07 -)/DA20DC

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

3 / 6 / 22Phòng thi: D71.103

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115620083	Lê Minh Anh	08/08/2002	Nữ	8.9	5.8	7.4	002	W		
2	115620084	Nguyễn Ngọc Vân Anh	08/09/2002	Nữ	9.3	6.5	7.9	003	hanh		
3	115620112	Lê Quế Đoàn	18/11/2002	Nữ	9.0	7.3	8.2	019	Đoàn		
4	115620132	Võ Nhật Huy	07/04/2002	Nam	8.9	6.0	7.5	004	ng		
5	115620135	Nguyễn Thị Thu Huynh	15/06/2001	Nữ	9.0	5.3	7.2	005	g		
6	115620144	Nguyễn Hoàng Luân	06/02/2001	Nam	5.8	6.8	6.3	006	Ly		
7	115620147	Nguyễn Trúc Ly	30/06/2002	Nữ	7.7	5.5	6.6	007	Ly		
8	115620149	Vương Cẩm My	30/05/2002	Nữ	8.8	6.3	7.6	008	g		
9	115620160	Lê Trần Thị Như Ngọc	24/10/2002	Nữ	9.2	7.0	8.1	009	Cugor		
10	115620161	Lê Võ Kim Ngọc	07/11/2002	Nữ	8.7	7.0	7.9	010	g		
11	115620164	Nguyễn Huỳnh Thảo Nguyên	28/10/2002	Nữ	8.8	7.0	7.9	011	Nguyen		
12	115620168	Lê Khải Nhi	13/05/2002	Nữ	8.6	6.5	7.6	012	g		
13	115620174	Nguyễn Huỳnh Như	18/05/2002	Nữ	7.7	4.0	5.9	001	g		
14	115620175	Nguyễn Thị Quỳnh Như	01/12/2001	Nữ	8.5	7.3	7.9	013	g		
15	115620179	Nguyễn Thị Ngọc Phiên	18/06/2002	Nữ	8.7	6.0	7.4	014	g		
16	115620184	Lâm Hoàng Diệu Phương	11/06/2002	Nữ	9.6	5.8	7.7	020	Phuong		
17	115620185	Trần Hoàng Như Phương	31/07/2002	Nữ	—	—	—	—	—		
18	115620189	Kim Thị Diệu Quý	15/07/2002	Nữ	8.8	4.8	6.8	016	g		
19	115620191	Nguyễn Trúc Quỳnh	13/06/2002	Nữ	8.5	7.5	8.0	017	Quynh		
20	115620197	Bùi Ngọc Thiên Thanh	12/01/2002	Nữ	7.7	6.0	6.9	018	g		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: huu Trần Phước Hưu

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 7 tháng 7 năm 22Cán bộ ghi điểm: huuNguyễn Thị LànhCán bộ kiểm tra: gSơn Ca

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (07 -)/DA20DC

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá:.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

03 / 6 / 2022

Phòng thi: D71.104

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115620201	Huỳnh Phan Phương Thảo	23/07/2002	Nữ	8.8	8.0	8.4	003	Phu		
2	115620210	Võ Minh Thuận	06/02/2002	Nam	8.8	7.8	8.3	004	Phu		
3	115620215	Cao Thị Minh Thư	14/06/2002	Nữ	8.5	8.8	8.7	005	Phu		
4	115620219	Đặng Thị Cẩm Tiên	13/09/2002	Nữ	9.0	9.0	9.0	001	Phu		
5	115620220	Neáng Kim Tiến	12/08/2002	Nữ	8.8	6.8	7.8	006	Phu		
6	115620223	Đỗ Huỳnh Thảo Trang	26/03/2002	Nữ	9.0	8.0	8.5	007	Phu		
7	115620224	Lê Hồng Huyền Trang	25/04/2002	Nữ	8.6	9.0	8.8	008	Phu		
8	115620231	Nguyễn Thị Huyền Trân	13/06/2002	Nữ	8.0	7.8	7.9	009	Phu		
9	115620232	Trương Nguyễn Huyền Trân	05/04/2002	Nữ	9.3	8.3	8.8	002	Phu		
10	115620234	Đoàn Dương Huyền Trinh	20/10/2002	Nữ	9.6	8.8	9.2	010	Phu		
11	115620236	Phan Thị Thảo Trinh	06/08/2002	Nữ	7.3	8.3	7.8	011	Phu		
12	115620241	Thị Cẩm Tú	18/01/2002	Nữ	9.2	9.3	9.3	012	Phu		
13	115620243	Vương Thị Bích Tuyền	08/04/2002	Nữ	8.5	8.5	8.5	013	Phu		
14	115620244	Nguyễn Thềm Linh Từ	30/12/2002	Nữ	9.2	8.5	8.9	014	Phu		
15	115620250	Thiệu Võ	14/11/2002	Nam	8.0	8.3	8.2	015	Phu		
16	115620252	Nguyễn Phan Thảo Vy	06/07/2002	Nữ	8.6	8.0	8.3	016	Phu		
17	115620255	Nhan Phi Yến	06/09/2002	Nữ	9.7	7.5	8.6	017	Phu		
18	115620257	Thạch Thị Đa Ni	14/02/2001	Nữ	8.8	7.0	7.9	018	Phu		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 18

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 18

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 18

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1:.....

Trần Mộng Đây

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 7 tháng 7 năm 22

Cán bộ ghi điểm:.....

Nguyễn Thị Lành

Cán bộ kiểm tra:.....

Sơn Sơn Ca

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (07 -)/DA20DA

CBGD: Trần Mộng Đầy (00337)

Hình thức đánh giá: Cmđ nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....03.....06.....2022

Phòng thi:.....D71.107.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	D.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	115620082	Cao Hoàng Liên Anh	15/12/2002	Nữ	9.5	8.0	8.8	001	AL		
2	115620095	Lữ Văn Bình	26/03/2002	Nam	8.3	6.3	7.3	002	Bam		
3	115620097	Lâm Hoàng Chương	24/12/2002	Nam	9.1	6.8	8.0	003	Chue		
4	115620101	Trịnh Hoàng Duy	28/05/2002	Nam	8.2	8.8	8.5	004	Phu		
5	115620104	Sơn Ngọc Dương	05/01/2002	Nam	8.8	8.3	8.6	005	Quang		
6	115620105	Thạch Văn Đại	30/12/2002	Nam	8.7	6.3	7.5	006	Ac		
7	115620122	Kiến Ngọc Thúy Hằng	15/01/2002	Nữ	9.3	9.0	9.2	007	Thuy		
8	115620142	Trần Thị Trúc Linh	13/12/2002	Nữ	9.1	7.8	8.5	008	Thy		
9	115620143	Phạm Tấn Lộc	28/01/2002	Nam	8.9	4.8	6.9	009	Lo		
10	115620154	Phạm Thanh Ngân	09/07/2002	Nữ	8.7	7.0	7.9	010	Phao		
11	115620155	Trần Thị Uyên Nghi	27/01/2002	Nữ	9.0	6.5	7.8	011	Uyên		
12	115620170	Lê Ý Nhi	05/10/2002	Nữ	9.4	7.0	8.2	012	Nh		
13	115620186	Trần Nguyễn Anh Phương	12/05/2001	Nữ	8.4	5.3	6.9	013	Phu		
14	115620188	Châu Phú Quý	06/06/2002	Nam	8.2	6.5	7.4	014	Qu		
15	115620204	Thạch Thị Hồng Thắm	02/05/2002	Nữ	8.5	6.5	7.5	015	Tha		
16	115620208	Nguyễn Kim Thoa	08/01/2002	Nữ	9.1	7.3	8.2	016	Th		
17	115620217	Phan Thị Minh Thư	18/08/2002	Nữ	9.4	8.3	8.9	017	Phu		
18	115620239	Huỳnh Thị Cẩm Tú	16/10/2002	Nữ	8.9	6.0	7.5	018	Thy		
19	115620245	Ngô Hui Ủ	03/09/2002	Nữ	9.2	6.3	7.8	019	Uy		
20	115620247	Trần Ngọc Thảo Uyên	25/12/2002	Nữ	8.9	6.0	7.5	020	Thy		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1: Trần Ngọc Đầy

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 7 tháng 7 năm 2022Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị LànhCán bộ kiểm tra: Sb Ss Ca

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (07 -)/DA20DA

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệmNgày hoàn thành đánh giá kết thúc
03 / 06 / 2022Phòng thi: D71.107

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115620256	Nguyễn Việt Thái	25/08/1983	Nam	<u>9.5</u>	<u>7.5</u>	<u>8.5</u>	<u>021</u>	<u>[Chữ ký]</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: [Chữ ký]Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 7 tháng 7 năm 22Cán bộ ghi điểm: [Chữ ký] Nguyễn Thị Lành

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: [Chữ ký]

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

3/6

Đ71-105

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (07 -)/DA20DB

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

03 / 6 / 2022Phòng thi: Đ71-105

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115620085	Nguyễn Phạm Tú Anh	23/08/2002	Nữ	9.3	8.0	8.7	085	<u>Tu Anh</u>		
2	115620086	Thạch Thuý Anh	30/01/2001	Nữ	9.3	7.3	8.3	002	<u>Anh</u>		
3	115620094	Huỳnh Như Bình	18/10/2002	Nữ	8.5	7.8	8.2	003	<u>Bình</u>		
4	115620096	Dương Thị Bích Châm	15/04/2002	Nữ	9.3	6.3	7.8	004	<u>châm</u>		
5	115620099	Nguyễn Thị Thuý Duy	13/04/2001	Nữ	9.6	6.5	8.1	005	<u>nghe</u>		
6	115620100	Nguyễn Trần Anh Duy	18/07/2002	Nam	8.8	5.5	7.2	006	<u>Anh</u>		
7	115620102	Huỳnh Thái Kỳ Duyên	26/02/2002	Nữ	9.1	7.8	8.5	007	<u>Kỳ Duyên</u>		
8	115620103	Nguyễn Thùy Dương	12/01/2002	Nữ	9.3	7.3	8.3	008	<u>Thùy</u>		
9	115620107	Nguyễn Chiêu Đông Đào	24/10/2002	Nữ	—	—	—	—	—		Vắng
10	115620108	Dương Lê Tất Đạt	03/06/2000	Nam	8.5	6.8	7.7	010	<u>Tất Đạt</u>		
11	115620109	Nguyễn Khánh Đăng	19/12/2002	Nam	9.2	7.0	8.1	011	<u>Đăng</u>		
12	115620113	Nguyễn Minh Đức	27/08/2002	Nam	9.2	7.0	8.1	012	<u>Minh</u>		
13	115620114	Võ Phạm Hữu Đức	20/09/2002	Nam	9.0	5.8	7.4	013	<u>Hữu Đức</u>		
14	115620115	Trần Thanh Đạm	03/02/2002	Nam	8.8	5.5	7.1	014	<u>Thanh</u>		
15	115620118	Phạm Lê Thiện Gia	17/10/2002	Nam	8.8	5.5	7.2	015	<u>Thiện</u>		
16	115620119	Nguyễn Thị Ngọc Giang	04/08/2002	Nữ	8.9	8.3	8.6	016	<u>Ngọc</u>		
17	115620121	Lê Ngọc Hà	09/11/2002	Nữ	9.8	6.5	8.2	017	<u>Hà</u>		
18	115620124	Nguyễn Thị Ngọc Hân	14/07/2002	Nữ	9.8	6.8	8.3	018	<u>Ngọc Hân</u>		
19	115620125	Nguyễn Trần Gia Hân	01/05/2002	Nữ	9.2	7.8	8.5	019	<u>Trần Gia Hân</u>		
20	115620126	Tô Trần Gia Hân	26/10/2002	Nữ	9.3	7.0	8.2	020	<u>Tô Trần Gia Hân</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19Tổng số tờ: 19Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 7 tháng 7 năm 22Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị NgânCán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Lành

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Sơn Sơn G

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (07 -)/DA20DB

CBGD: Trần Mộng Đầy (00337)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

05 / 6 / 2022Phòng thi: ĐT1.106

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115620127	Mai Thanh	Hiền	24/12/2002	Nữ	9.3	6.5	7.9	001		
2	115620128	Danh Thị Cẩm	Hiếu	02/05/2002	Nữ	9.3	6.0	7.7	002		
3	115620129	Huỳnh Thị Minh	Hiếu	04/05/2002	Nữ	8.6	6.5	7.6	003		
4	115620131	Lâm Gia	Huy	28/04/2002	Nam	10.0	8.0	9.0	004		
5	115620133	Trần Nhã	Huyền	28/09/2002	Nữ	8.8	6.5	7.7	005		
6	115620136	Nguyễn Lê Công	Khá	22/09/2002	Nam	8.8	4.5	6.8	006		
7	115620141	Nguyễn Thị Trúc	Linh	24/08/2002	Nữ	9.9	7.3	8.6	007		
8	115620146	Kiên Thị Trúc	Ly	17/03/2001	Nữ	8.6	5.8	7.2	008		
9	115620152	Ngô Kim	Ngân	10/01/2002	Nữ	8.9	6.8	7.9	009		
10	115620166	Nguyễn Thùy	Nguyệt	09/08/2002	Nữ	9.1	7.8	8.5	010		
11	115620176	Phan Ngọc Quỳnh	Như	27/05/2002	Nữ	9.2	7.5	8.4	011		
12	115620178	Trần Ngọc	Nữ	15/06/2002	Nữ	8.6	6.0	7.3	012		
13	115620180	Đoàn Trọng	Phúc	25/05/2002	Nam	9.2	8.5	8.9	013		
14	115620187	Đinh Nguyễn Như	Phượng	10/12/2002	Nữ	10.0	7.3	8.7	014		
15	115620190	Trần Thị Mộng	Quyển	19/10/2002	Nữ	9.2	5.8	7.5	015		
16	115620194	Võ Thành	Tân	09/08/2001	Nam	9.8	5.5	7.7	016		
17	115620203	Thông Thụy	Tháp	06/07/2002	Nữ	9.2	8.0	8.6	017		
18	115620216	Lê Anh	Thư	15/03/2001	Nữ	9.3	8.0	8.7	018		
19	115620218	Phạm Nguyễn Anh	Thư	04/04/2002	Nữ	9.3	6.3	7.8	019		
20	115620221	Huỳnh Trung	Tín	03/01/2002	Nam	9.0	5.8	7.4	020		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20Tổng số tờ: 20Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 7 tháng 7 năm 22

Cán bộ coi thi 1:

Trần Thị Nhung Nguyễn

Cán bộ ghi điểm:

Nguyễn Thị Lành

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Trần Thị Nhung Nguyễn

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (07 -)/DA20DB

CBGD: Trần Mộng Dầy (00337)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

03 / 6 / 2022Phòng thi: D71.110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	115620225	Nguyễn Thị Diễm Trang	12/12/2002	Nữ	9.5	8.0	8.8	001	Trang		
2	115620229	Nguyễn Thị Hồng Trâm	24/08/2002	Nữ	10.0	7.8	8.9	007	Trâm		
3	115620230	Son Ngọc	10/04/2002	Nữ	8.4	6.8	7.6	002	Trâm		
4	115620233	Đặng Kiều Trinh	02/07/2002	Nữ	9.1	8.3	8.7	003	Trang		
5	115620242	Ngô Quốc Tuấn	04/11/2002	Nam	9.3	7.8	8.6	004	Trang		
6	115620246	Lê Thị Uyên	19/10/2002	Nữ	8.0	5.5	6.8	008	Trang		
7	115620249	Kim Thúy Vi	04/07/2002	Nữ	8.3	6.5	7.4	005	Trang		
8	115620251	Nguyễn Huỳnh Tường Vy	07/06/2002	Nữ	8.8	6.3	7.5	006	Trang		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 08Tổng số sv, hs dự đánh giá: 08Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 08

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 7 tháng 7 năm 22Cán bộ coi thi 1: Trần Mộng DầyCán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Lành

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Sinh Sĩ C

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (07 -)/DA20THB

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

05 / 6 / 2022

Phòng thi: B7.1.10.6

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ch chú
1	114320043	Trần Thị Tường Dy	23/09/2002	Nữ	<u>10.0</u>	<u>6.3</u>	<u>8.2</u>	<u>021</u>	<u>Tdy</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 7 tháng 7 năm 22.

Cán bộ coi thi 1:

Trần Thị Nhung Đây

Cán bộ ghi điểm:

Nguyễn Thị Lành

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Sinh Sĩ C

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (07 -)/DA20SNV

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

03/06/2022Phòng thi: D21.104

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	113720006	Lê Hiếu Nghĩa	16/07/2002	Nam	9.8	6.0	7.9	019	<u>[Signature]</u>		
2	113720008	Nguyễn Hồng Thắm	16/06/2000	Nữ	10.0	8.0	9.0	020	<u>[Signature]</u>		
3	113720011	Nguyễn Khánh Bảo Thúy	08/10/2001	Nữ	10.0	9.3	9.7	021	<u>[Signature]</u>		
4	113720013	Lê Kim Ngân	17/12/2002	Nữ	10.0	7.8	8.9	022	<u>[Signature]</u>		
5	113720033	Nguyễn Võ Ân Nhân	13/11/2002	Nam	10.0	9.5	9.8	023	<u>[Signature]</u>		
6	113720036	Trần Thị Trang Phượng	05/06/2002	Nữ	10.0	7.3	8.7	024	<u>[Signature]</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 06Tổng số sv, hs dự đánh giá: 06Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 06

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: [Signature]Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 7 tháng 7 năm 22Cán bộ ghi điểm: [Signature]Nguyễn Thị Lành

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: [Signature]Sinh Sĩ Ca

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Tư tưởng Hồ Chí Minh, lớp DA20DC phòng D71.104, buổi Tối ngày 03/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi chú
1	113720006	Lê Hiếu Nghĩa	2002	LLCT-TTHCM-DA20DC-D71.104-T030622_019	DA20SNV	24	6	
2	113720008	Nguyễn Hồng Thắm	2000	LLCT-TTHCM-DA20DC-D71.104-T030622_020	DA20SNV	32	8	
3	113720011	Nguyễn Khánh Bảo Thúy Vy	2001	LLCT-TTHCM-DA20DC-D71.104-T030622_021	DA20SNV	37	9.25	
4	113720013	Lê Kim Ngân	2002	LLCT-TTHCM-DA20DC-D71.104-T030622_022	DA20SNV	31	7.75	
5	113720033	Nguyễn Võ Ân Nhân	2002	LLCT-TTHCM-DA20DC-D71.104-T030622_023	DA20SNV	38	9.5	
6	113720036	Trần Thị Trang Phương	2002	LLCT-TTHCM-DA20DC-D71.104-T030622_024	DA20SNV	29	7.25	
7	115620201	Huỳnh Phan Phương Thảo	2002	LLCT-TTHCM-DA20DC-D71.104-T030622_003	DA20DC	32	8	
8	115620210	Võ Minh Thuận	2002	LLCT-TTHCM-DA20DC-D71.104-T030622_004	DA20DC	31	7.75	
9	115620215	Cao Thị Minh Thư	2002	LLCT-TTHCM-DA20DC-D71.104-T030622_005	DA20DC	35	8.75	
10	115620219	Đặng Thị Cẩm Tiên	2002	LLCT-TTHCM-DA20DC-D71.104-T030622_001	DA20DB	36	9	
11	115620220	Neáng Kim Tiến	2002	LLCT-TTHCM-DA20DC-D71.104-T030622_006	DA20DC	27	6.75	
12	115620223	Đỗ Huỳnh Thảo Trang	2002	LLCT-TTHCM-DA20DC-D71.104-T030622_007	DA20DC	32	8	
13	115620224	Lê Hồng Huyền Trang	2002	LLCT-TTHCM-DA20DC-D71.104-T030622_008	DA20DC	36	9	
14	115620231	Nguyễn Thị Huyền Trân	2002	LLCT-TTHCM-DA20DC-D71.104-T030622_009	DA20DC	31	7.75	
15	115620232	Trương Nguyễn Huyền Trân	2002	LLCT-TTHCM-DA20DC-D71.104-T030622_002	DA20DB	33	8.25	
16	115620234	Đoàn Dương Huyền Trinh	2002	LLCT-TTHCM-DA20DC-D71.104-T030622_010	DA20DC	35	8.75	
17	115620236	Phan Thị Thảo Trinh	2002	LLCT-TTHCM-DA20DC-D71.104-T030622_011	DA20DC	33	8.25	
18	115620241	Thị Cẩm Tú	2002	LLCT-TTHCM-DA20DC-D71.104-T030622_012	DA20DC	37	9.25	
19	115620243	Vương Thị Bích Tuyền	2002	LLCT-TTHCM-DA20DC-D71.104-T030622_013	DA20DC	34	8.5	
20	115620244	Nguyễn Thềm Linh Tứ	2002	LLCT-TTHCM-DA20DC-D71.104-T030622_014	DA20DC	34	8.5	
21	115620250	Thiệu Võ	2002	LLCT-TTHCM-DA20DC-D71.104-T030622_015	DA20DC	33	8.25	
22	115620252	Nguyễn Phan Thảo Vy	2002	LLCT-TTHCM-DA20DC-D71.104-T030622_016	DA20DC	32	8	
23	115620255	Nhan Phi Yến	2002	LLCT-TTHCM-DA20DC-D71.104-T030622_017	DA20DC	30	7.5	
24	115620257	Thạch Thị Đa Ni	2001	LLCT-TTHCM-DA20DC-D71.104-T030622_018	DA20DC	28	7	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Tư tưởng Hồ Chí Minh, lớp DA20DB phòng D71.105, buổi Tối ngày 03/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	G
1	115620085	Nguyễn Phạm Tú Anh	2002	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.105-T030622_001	DA20DB	32	8	
2	115620086	Thạch Thủy Anh	2001	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.105-T030622_002	DA20DB	29	7.25	
3	115620094	Huỳnh Như Bình	2002	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.105-T030622_003	DA20DB	31	7.75	
4	115620096	Dương Thị Bích Châm	2002	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.105-T030622_004	DA20DB	25	6.25	
5	115620099	Nguyễn Thị Thuý Duy	2001	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.105-T030622_005	DA20DB	26	6.5	
6	115620100	Nguyễn Trần Anh Duy	2002	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.105-T030622_006	DA20DB	22	5.5	
7	115620102	Huỳnh Thái Kỳ Duyên	2002	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.105-T030622_007	DA20DB	31	7.75	
8	115620103	Nguyễn Thùy Dương	2002	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.105-T030622_008	DA20DB	29	7.25	
9	115620107	Nguyễn Chiêu Đông Đào	2002	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.105-T030622_009	DA20DB	0	0	
10	115620108	Dương Lê Tất Đạt	2000	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.105-T030622_010	DA20DB	27	6.75	
11	115620109	Nguyễn Khánh Đăng	2002	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.105-T030622_011	DA20DB	28	7	
12	115620113	Nguyễn Minh Đức	2002	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.105-T030622_012	DA20DB	28	7	
13	115620114	Võ Phạm Hữu Đức	2002	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.105-T030622_013	DA20DB	23	5.75	
14	115620115	Trần Thanh Đạm	2002	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.105-T030622_014	DA20DB	22	5.5	
15	115620118	Phạm Lê Thiện Gia	2002	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.105-T030622_015	DA20DB	22	5.5	
16	115620119	Nguyễn Thị Ngọc Giang	2002	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.105-T030622_016	DA20DB	33	8.25	
17	115620121	Lê Ngọc Hà	2002	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.105-T030622_017	DA20DB	26	6.5	
18	115620124	Nguyễn Thị Ngọc Hân	2002	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.105-T030622_018	DA20DB	27	6.75	
19	115620125	Nguyễn Trần Gia Hân	2002	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.105-T030622_019	DA20DB	31	7.75	
20	115620126	Tô Trần Gia Hân	2002	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.105-T030622_020	DA20DB	28	7	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Tư tưởng Hồ Chí Minh, lớp DA20DC phòng D71.103, buổi Tối ngày 03/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	C
1	115620083	Lê Minh Anh	2002	LLCT-TTHCM-DA20DC-D71.103-T030622_002	DA20DC	23	5.75	
2	115620084	Nguyễn Ngọc Vân Anh	2002	LLCT-TTHCM-DA20DC-D71.103-T030622_003	DA20DC	26	6.5	
3	115620112	Lê Quế Đoan	2002	LLCT-TTHCM-DA20DC-D71.103-T030622_019	DA20DC	29	7.25	
4	115620132	Võ Nhật Huy	2002	LLCT-TTHCM-DA20DC-D71.103-T030622_004	DA20DC	24	6	
5	115620135	Nguyễn Thị Thu Huỳnh	2001	LLCT-TTHCM-DA20DC-D71.103-T030622_005	DA20DC	21	5.25	
6	115620144	Nguyễn Hoàng Luân	2001	LLCT-TTHCM-DA20DC-D71.103-T030622_006	DA20DC	27	6.75	
7	115620147	Nguyễn Trúc Ly	2002	LLCT-TTHCM-DA20DC-D71.103-T030622_007	DA20DC	22	5.5	
8	115620149	Vương Cẩm My	2002	LLCT-TTHCM-DA20DC-D71.103-T030622_008	DA20DC	25	6.25	
9	115620160	Lê Trần Thị Như Ngọc	2002	LLCT-TTHCM-DA20DC-D71.103-T030622_009	DA20DC	28	7	
10	115620161	Lê Võ Kim Ngọc	2002	LLCT-TTHCM-DA20DC-D71.103-T030622_010	DA20DC	28	7	
11	115620164	Nguyễn Huỳnh Thảo Nguyên	2002	LLCT-TTHCM-DA20DC-D71.103-T030622_011	DA20DC	28	7	
12	115620168	Lê Khải Nhi	2002	LLCT-TTHCM-DA20DC-D71.103-T030622_012	DA20DC	26	6.5	
13	115620174	Nguyễn Huỳnh Như	2002	LLCT-TTHCM-DA20DC-D71.103-T030622_001	DA20DA	16	4	
14	115620175	Nguyễn Thị Quỳnh Như	2001	LLCT-TTHCM-DA20DC-D71.103-T030622_013	DA20DC	29	7.25	
15	115620179	Nguyễn Thị Ngọc Phiên	2002	LLCT-TTHCM-DA20DC-D71.103-T030622_014	DA20DC	24	6	
16	115620184	Lâm Hoàng Diệu Phương	2002	LLCT-TTHCM-DA20DC-D71.103-T030622_020	DA20DC	23	5.75	
17	115620185	Trần Hoàng Như Phương	2002	LLCT-TTHCM-DA20DC-D71.103-T030622_015	DA20DC	0	0	
18	115620189	Kim Thị Diệu Quý	2002	LLCT-TTHCM-DA20DC-D71.103-T030622_016	DA20DC	19	4.75	
19	115620191	Nguyễn Trúc Quỳnh	2002	LLCT-TTHCM-DA20DC-D71.103-T030622_017	DA20DC	30	7.5	
20	115620197	Bùi Ngọc Thiên Thanh	2002	LLCT-TTHCM-DA20DC-D71.103-T030622_018	DA20DC	24	6	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Tư tưởng Hồ Chí Minh, lớp DA20DA phòng D71.107, buổi Tối ngày 03/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi chú
1	115620082	Cao Hoàng Liên Anh	2002	LLCT-TTHCM-DA20DA-D71.107-T030622_001	DA20DA	32	8	
2	115620095	Lữ Văn Bình	2002	LLCT-TTHCM-DA20DA-D71.107-T030622_002	DA20DA	25	6.25	
3	115620097	Lâm Hoàng Chương	2002	LLCT-TTHCM-DA20DA-D71.107-T030622_003	DA20DA	27	6.75	
4	115620101	Trịnh Hoàng Duy	2002	LLCT-TTHCM-DA20DA-D71.107-T030622_004	DA20DA	35	8.75	
5	115620104	Son Ngọc Dương	2002	LLCT-TTHCM-DA20DA-D71.107-T030622_005	DA20DA	33	8.25	
6	115620105	Thạch Văn Đại	2002	LLCT-TTHCM-DA20DA-D71.107-T030622_006	DA20DA	25	6.25	
7	115620122	Kiến Ngọc Thủy Hằng	2002	LLCT-TTHCM-DA20DA-D71.107-T030622_007	DA20DA	36	9	
8	115620142	Trần Thị Trúc Linh	2002	LLCT-TTHCM-DA20DA-D71.107-T030622_008	DA20DA	31	7.75	
9	115620143	Phạm Tấn Lộc	2002	LLCT-TTHCM-DA20DA-D71.107-T030622_009	DA20DA	19	4.75	
10	115620154	Phạm Thanh Ngân	2002	LLCT-TTHCM-DA20DA-D71.107-T030622_010	DA20DA	28	7	
11	115620155	Trần Thị Uyên Nghi	2002	LLCT-TTHCM-DA20DA-D71.107-T030622_011	DA20DA	26	6.5	
12	115620170	Lê Ý Nhi	2002	LLCT-TTHCM-DA20DA-D71.107-T030622_012	DA20DA	28	7	
13	115620186	Trần Nguyễn Anh Phương	2001	LLCT-TTHCM-DA20DA-D71.107-T030622_013	DA20DA	21	5.25	
14	115620188	Châu Phú Quý	2002	LLCT-TTHCM-DA20DA-D71.107-T030622_014	DA20DA	26	6.5	
15	115620204	Thạch Thị Hồng Thắm	2002	LLCT-TTHCM-DA20DA-D71.107-T030622_015	DA20DA	26	6.5	
16	115620208	Nguyễn Kim Thoa	2002	LLCT-TTHCM-DA20DA-D71.107-T030622_016	DA20DA	29	7.25	
17	115620217	Phan Thị Minh Thư	2002	LLCT-TTHCM-DA20DA-D71.107-T030622_017	DA20DA	33	8.25	
18	115620239	Huỳnh Thị Cẩm Tú	2002	LLCT-TTHCM-DA20DA-D71.107-T030622_018	DA20DA	24	6	
19	115620245	Ngô Hui Ủ	2002	LLCT-TTHCM-DA20DA-D71.107-T030622_019	DA20DA	25	6.25	
20	115620247	Trần Ngọc Thảo Uyên	2002	LLCT-TTHCM-DA20DA-D71.107-T030622_020	DA20DA	24	6	
21	115620256	Nguyễn Việt Thái	1983	LLCT-TTHCM-DA20DA-D71.107-T030622_021	DA20DA	30	7.5	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Tư tưởng Hồ Chí Minh, lớp DA20DB phòng D71.106, buổi Tối ngày 03/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	G
1	114320043	Trần Thị Tường Dy	2002	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.106-T030622_021	DA20THB	25	6.25	
2	115620127	Mai Thanh Hiền	2002	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.106-T030622_001	DA20DB	26	6.5	
3	115620128	Danh Thị Cẩm Hiếu	2002	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.106-T030622_002	DA20DB	24	6	
4	115620129	Huỳnh Thị Minh Hiếu	2002	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.106-T030622_003	DA20DB	26	6.5	
5	115620131	Lâm Gia Huy	2002	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.106-T030622_004	DA20DB	32	8	
6	115620133	Trần Nhã Huyền	2002	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.106-T030622_005	DA20DB	26	6.5	
7	115620136	Nguyễn Lê Công Khả	2002	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.106-T030622_006	DA20DB	18	4.5	
8	115620141	Nguyễn Thị Trúc Linh	2002	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.106-T030622_007	DA20DB	29	7.25	
9	115620146	Kiên Thị Trúc Ly	2001	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.106-T030622_008	DA20DB	23	5.75	
10	115620152	Ngô Kim Ngân	2002	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.106-T030622_009	DA20DB	27	6.75	
11	115620166	Nguyễn Thùy Nguyệt	2002	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.106-T030622_010	DA20DB	31	7.75	
12	115620176	Phan Ngọc Quỳnh Như	2002	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.106-T030622_011	DA20DB	30	7.5	
13	115620178	Trần Ngọc Nữ	2002	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.106-T030622_012	DA20DB	24	6	
14	115620180	Đoàn Trọng Phúc	2002	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.106-T030622_013	DA20DB	34	8.5	
15	115620187	Đinh Nguyễn Như Phượng	2002	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.106-T030622_014	DA20DB	29	7.25	
16	115620190	Trần Thị Mộng Quyen	2002	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.106-T030622_015	DA20DB	23	5.75	
17	115620194	Võ Thành Tân	2001	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.106-T030622_016	DA20DB	22	5.5	
18	115620203	Thông Thụy Tháp	2002	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.106-T030622_017	DA20DB	32	8	
19	115620216	Lê Anh Thư	2001	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.106-T030622_018	DA20DB	32	8	
20	115620218	Phạm Nguyễn Anh Thư	2002	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.106-T030622_019	DA20DB	25	6.25	
21	115620221	Huỳnh Trung Tín	2002	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.106-T030622_020	DA20DB	23	5.75	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Tư tưởng Hồ Chí Minh, lớp DA20DB phòng D71.110, buổi Tối ngày 03/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi
1	115620225	Nguyễn Thị Diễm Trang	2002	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.110-T030622_001	DA20DB	32	8	
2	115620229	Nguyễn Thị Hồng Trâm	2002	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.110-T030622_007	DA20DB	31	7.75	
3	115620230	Son Ngọc Trâm	2002	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.110-T030622_002	DA20DB	27	6.75	
4	115620233	Đặng Kiều Trinh	2002	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.110-T030622_003	DA20DB	33	8.25	
5	115620242	Ngô Quốc Tuấn	2002	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.110-T030622_004	DA20DB	31	7.75	
6	115620246	Lê Thị Uyên	2002	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.110-T030622_008	DA20DB	22	5.5	
7	115620249	Kim Thúy Vi	2002	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.110-T030622_005	DA20DB	26	6.5	
8	115620251	Nguyễn Huỳnh Tường Vy	2002	LLCT-TTHCM-DA20DB-D71.110-T030622_006	DA20DB	25	6.25	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2